

Bản án số: 20 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nay Lu Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Siu Thun Phrao.

2. Ông Chu Xuân Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Bình - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Tao Kó, xã Ia Rong, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Cao N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tao Kó, xã Ia Rong, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 07-4-2022, bản khai ngày 03-6-2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Cao N kết hôn với nhau năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rong, huyện C, tỉnh G. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, và đã có với nhau được hai người con chung, nhưng thời gian về sau thì cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng đều không thành, nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm của chị đối với anh Nguyễn không còn và hiện tại cả hai cũng đã sống ly thân với nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Cao N.

- Về con chung: Chị và anh Trần Cao N có 02 con chung là cháu Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017. Ly hôn, theo nguyện vọng của con, do điều kiện chị đi làm thuê, phải ở trọ. Hiện tại 02 con đang ở

cùng với anh Nguyên, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con nên chị đồng ý giao 02 con cho anh Nguyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị và anh Trần Cao N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Trần Cao N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 15-8-2022, bị đơn anh Trần Cao N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Thu T kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rong, huyện C, tỉnh G hôn nhân của hai hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hôn nhân, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, anh không biết lý do, nguyên nhân vì sao chị Trang lại yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị Trang.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị Võ Thị Thu T có 02 con chung là cháu Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017. Nếu chị Trang cương quyết ly hôn, thì anh có nguyện vọng được nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Võ Thị Thu T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu T; đề nghị giao 02 con chung là cháu Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Trần Cao N trực tiếp nuôi dưỡng, **buộc chị Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Thu T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trần Cao N. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Trang đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Chị Trang và anh Nguyên đều cư trú tại huyện C nên Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Trần Cao N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu T và anh Trần Cao N tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rong, huyện C, tỉnh G nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trang và anh Nguyên thì thấy: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Trang và anh Nguyên thì cả hai thừa nhận đều có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, bản thân anh Nguyên không đồng ý ly hôn với chị Trang vì anh vẫn còn thương yêu chị Trang và con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện về thời gian nhưng anh Nguyên không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng, không hàn gắn được tình cảm với chị Trang, vì tại phiên tòa chị Trang vẫn yêu cầu ly hôn với anh nguyên. Tài liệu thu thập có tại hồ sơ ông Siu H'Lek, đại diện thôn nơi anh Nguyên sinh sống xác nhận trong thời gian anh Nguyên và chị Trang sinh sống tại địa phương thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc cả hai sống li thân với nhau.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Trang và anh Nguyên đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Cao N là chính đáng, có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Võ Thị Thu T và anh Trần Cao N có 02 con chung là cháu Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017. Ly hôn, theo nguyện vọng của con và chị Trang đồng ý giao Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Trần Cao N trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của chị Trang và cũng phù hợp với nguyện vọng được nuôi 02 con của anh Nguyên, để đảm bảo về nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung, để đảm bảo sự phát triển bình thường mọi mặt của trẻ em nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con 02 con Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Trần Cao N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Thu T và anh Trần Cao N không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Võ Thị Thu T và anh Trần Cao N không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu T được chấp nhận nên chị Trang phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### ***Xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu T;

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu T được ly hôn anh Trần Cao N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Võ Quốc Đạt, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trần Võ Như Ý, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Trần Cao N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng đã nộp trước đây theo biên lai số 0001054 ngày 27-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G; chị Võ Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Trần Cao N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
  - Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
  - Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
  - Các đương sự;
  - UBND xã Ia Rong, huyện C,
- tỉnh G (GCNKH số 31, quyển số 01, đăng ký ngày 08-6-2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nay Lu Vinh**